TẬP ĐOÀN CN THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY THAN HẠ LONG - TKV

BẢNG TÍNH VÀ THANH TOÁN LƯƠNG KHỐI VĂN PHÒNG

Đơn vị: 15-Phòng Kế toán, thống kê, tài chính

Tháng 12 năm 2018

Stt	SDB	Tên	Chức danh	Mức LCB	Lương SP			Lương 100%		Lương khác		PC HĐCĐ	PC trách nhiệm		Tổng thu nhập	Các khoản phải trừ							Tổng giảm trừ	Còn lĩnh	Ký nhận
					Công	XL	Lương	Công	Lương	Công	Lương		HS	Tiền		BHXH	BHYT	BHTN	Truy thu BHXH	ĐPCĐ	Quỹ HĐXH	BHTT			
1	**01**	**Tổ quản lý**			**73**		**26.599.000**	**3**	**687.346**				**0,05**	**385.100**	**27.671.446**	**1.548.800**	**290.400**	**193.600**		**276.700**	**165.000**	**600.000**	**3.074.500**	**24.596.946**	
1	HL-00037	Lê Đức Đạo	Phó phòng	7.702.000	25	A	9.131.000						0,05	385.100	9.516.100	616.200	115.500	77.000		95.200	55.000	200.000	1.158.900	8.357.200	
2	HL-00096	Phạm Văn Lợi	Phó phòng	5.957.000	23	A	8.337.000	3	687.346						9.024.346	476.600	89.400	59.600		90.200	55.000	200.000	970.800	8.053.546	
3	HL-00895	Phan Mạnh Hà	Phó phòng	5.700.000	25	A	9.131.000								9.131.000	456.000	85.500	57.000		91.300	55.000	200.000	944.800	8.186.200	
2	**08**	**Tổ chuyên viên**			**325**		**97.349.000**			**2**	**900.000**	**2.835.000**	**0,10**	**139.000**	**101.223.005**	**5.885.000**	**1.103.600**	**735.700**	**-910.745**	**1.012.400**	**715.000**	**2.600.000**	**11.140.955**	**90.082.050**	
4	HL-00041	Hoàng Thị Loan	Thủ quỹ	5.677.000	25	A	7.488.385						0,10	139.000	7.627.385	454.200	85.200	56.800		76.300	55.000	200.000	927.500	6.699.885	
5	HL-00039	Chu Bích Đào	Chuyên viên	7.151.000	25	A	7.488.385								7.488.385	572.100	107.300	71.500		74.900	55.000	200.000	1.080.800	6.407.585	
6	HL-00040	Ngô Thị Phương Thảo	Chuyên viên	5.960.000	25	A	7.488.385					1.215.000			8.703.385	476.800	89.400	59.600		87.000	55.000	200.000	967.800	7.735.585	
7	HL-00986	Hà Thanh Tùng	Chuyên viên	5.149.000	25	A	7.488.385								7.488.385	411.900	77.200	51.500		74.900	55.000	200.000	870.500	6.617.885	
8	HL-01035	Nguyễn Thị Lan	Chuyên viên	5.406.000	25	A	7.488.385					810.000			8.298.385	432.500	81.100	54.100		83.000	55.000	200.000	905.700	7.392.685	
9	HL-01385	Đỗ Thị Vân Anh	Chuyên viên	4.904.000	25	A	7.488.385			2	900.000				8.388.385	392.300	73.600	49.000	-400.145	83.900	55.000	200.000	453.655	7.934.730	
10	HL-01776	Hoàng Thị Thịnh	Chuyên viên	5.960.000	25	A	7.488.385								7.488.385	476.800	89.400	59.600		74.900	55.000	200.000	955.700	6.532.685	
11	HL-01803	Nguyễn Thị Lan Hương	Chuyên viên	6.259.000	25	A	7.488.385								7.488.385	500.700	93.900	62.600	-510.600	74.900	55.000	200.000	476.500	7.011.885	
12	HL-01953	Trần Thị Vân	Chuyên viên	5.406.000	25	A	7.488.385								7.488.385	432.500	81.100	54.100		74.900	55.000	200.000	897.600	6.590.785	
13	HL-02770	Đặng Thị Vinh	Chuyên viên	5.677.000	25	A	7.488.385					810.000			8.298.385	454.200	85.200	56.800		83.000	55.000	200.000	934.200	7.364.185	
14	HL-04216	Nguyễn Thanh Hải	Chuyên viên	5.960.000	25	A	7.488.385								7.488.385	476.800	89.400	59.600		74.900	55.000	200.000	955.700	6.532.685	
15	HL-03147	Hà Thị Trang	Chuyên viên	4.904.000	25	A	7.488.385								7.488.385	392.300	73.600	49.000		74.900	55.000	200.000	844.800	6.643.585	
16	HL-04160	Nguyễn Thị Minh Châu	Chuyên viên	5.149.000	25	A	7.488.385								7.488.385	411.900	77.200	51.500		74.900	55.000	200.000	870.500	6.617.885	
Tổng cộng					**398**		**123.948.000**	**3**	**687.346**	**2**	**900.000**	**2.835.000**	**0,15**	**524.100**	**128.894.451**	**7.433.800**	**1.394.000**	**929.300**	**-910.745**	**1.289.100**	**880.000**	**3.200.000**	**14.215.455**	**114.678.996**	

Quảng Ninh, ngày 25 tháng 1 năm 2019

LẬP BIỂU	PHÒNG TCLĐ	P.KẾ TOÁN TRƯỞNG	P.GIÁM ĐỐC
Mã Thành Trung	Nguyễn Văn Thỏa	Đặng Thanh Lam	Phạm Văn Hùng